

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN

QUYỂN 4

1- Tắm rửa Tôn nghi: Gốc của tu kính không vượt ba tôn, như thế tưởng đâu hơn bốn đấng. Nhưng mà đế lý sâu xa sự cách tâm thô, tắm rửa Thánh nghi thật là thông giúp. Đại Sư tuy diệt, hình tượng vẫn còn, chí tâm như còn, lý nên tôn kính. Hoặc có thể hương hoa thường bày, có thể sanh tâm thanh tịnh, hoặc có thể tắm rửa hằng vì làm mỏng nghiệp hôn trầm, do đây nêu niệ, không nêu đó càng tự thâu. Khuyến các người có làm công gồm lợi, người cầu phước nên giữ ý.

Nhưng các chùa nước Tây, tắm rửa tôn nghi thường ở lúc giữa trưa, thọ sự liền đánh kiền chùy (thọ sự, tiếng Phạm là Yết Ma Đà Na, Đà Na là thọ, Yết Ma là sự, ý nói do chúng nhiều việc chỉ nhận ở người, xưa nói duy na là sai. Duy là tiếng nhà Đường, ý nói là giềng mối. Na là Phạm âm, lược bỏ chữ Yết Ma âm). Sân chùa trưng bày lọng báu, điện thì bày la liệt bình hương, lấy tượng vàng, bạc, đồng, đá để ở mâm đồng, vàng, cây, đá. Trong sai các kỹ nữ tấu âm nhạc, dùng hương bột thoa, lấy nước thơm mà tắm. (lấy cây chiên đàn, trầm thủy nghiền trên đá, lấy nước mài thành bùn để thoa thân tượng, mới lấy nước tắm).

Dùng lụa trắng sạch mà lau chùi, rồi sau để lại trong điện, rải các hoa màu, đây là nghi của các chùa, sai Yết Ma Đà La làm. Nhưng ở trong mỗi phòng tự tắm tôn nghi, ngày ngày đều vì yếu tâm không thiếu, nhưng là hoa cây cỏ đều đem dâng cúng không luận đông hạ hằng thơm phức. Người mua bán giữa quán chợ cũng vậy.

Vả lại như Đông Hạ, hoa sen thạch trúc thì mùa hạ mùa thu mới tươi tốt, kim kinh, đào hạnh mùa xuân mới xinh. Mộc cần, thạch lựu tùy thời thay đổi. Chu anh, tử cấm, theo tiết mà phô bày. Hàng thực quỳ xem ở vườn, loài cỏ thơm ở sơn trang hẳn cần đem đến bày la liệt, không nên xa chỉ cây vườn, đông cảnh chút thời hoặc cho khiếm thiếu, cất các vải lụa, bụi dùng danh hương, bày trước tôn tượng đây thật là tốt. Đến ở tượng đồng không hỏi lớn nhỏ, cần tro nhuyễn, gói bột lau chà cho sáng sạch, nước trong rửa đó, lóng hoa như gương. Chùa lớn,

nửa tháng hay một tháng họp chúng cùng làm chùa nhỏ tùy khả năng cần thường tắm rửa, đây thì chỗ phí tuy ít mà phước rất nhiều. Nước tắm tượng, nâng dùng hai ngón, rưới từ trên đỉnh, nước đây gọi là kiết tường, mong cầu thắng lợi, dâng cúng hoa không nên đem hoa hôi bỏ, không nên chà đạp, có thể ở chỗ sạch mà rưới đặt đó, há cho để trọn năm bụi trắng đầu tôn tượng từng không chùi rửa. Hoa hồng khắp đồng, vốn tự không tâm dâng hiến, mà bèn lại lược làm biếng, xa chỉ ao vườn liền thôi vì sợ nhọc khổ, mở cửa nhà khắp kính liền bỏ. Đây thì thầy trò tuyệt mối, bèn khiến chí kính không do đâu tạo tháp bùn làm tượng bùn, hoặc in trên lụa, tùy chỗ cúng dường, hoặc nhóm làm đồng, do nhóm ngói đất liền thành tháp Phật, hoặc ở để đồng trống mặc tình tiêu tan, phép tục phương tây đâu không cho đây là nghiệp. Lại hể tạo hình tượng và tháp bằng vàng, bạc, đồng, thiếc, bùn, sơn, ngói, đá, hoặc nhóm cát, tuyết ngay khi làm. Trong đặt hai món xá lợi, một là thân cốt Đại sư, hai là duyên khởi pháp tụng. kia tụng rằng:

*Các pháp từ duyên khởi
Như Lai nói là nhơn
Pháp kia nhơn duyên hết
Là đại Sa môn nói*

Cốt yếu đặt hai ngón tay phước bèn rộng nhiều, do đây trong kinh rộng nói thí dụ, khen lợi ích kia không thể nghĩ bàn. Nếu người tạo tượng như núi mì, tháp như táo nhỏ, trên để luân tượng, lan can như kim nhỏ, nhơn tốt, loại bầy biển mà không cùng, báo thắng khắp bốn đời mà chẳng hết, kia chép đủ ở các kinh khác. Mong các Pháp sư đồng thời có thể làm ư? Rửa kính tôn dung nghiệp đời đời gặp Phật, hoa hương rải bày là nhơn kiếp kiếp giàu vui, tự làm dạy người làm được phước vô lượng. Từng thấy có chỗ bốn tháng tám tháng, hoặc đạo hoặc tục đem tượng để bên đường xối rửa tùy nghi, không biết lau chùi, gió thổi nắng tấp chưa xứng nghi kia.

2- Lễ ca vịnh: Ở Thần châu từ xưa truyền nhau chỉ biết lễ Phật nêu tên, phần nhiều không xưng dương khen đức, cố sao nghe tên chỉ nghe tên suông, đâu biết trí cao thấp, khen ngợi đủ bày đức kia. Tên chính là rộng sâu của thể đức, tức như phương tây cung kính tháp miếu và thường đi lễ kính, thường ở sau trưa và chiều tối, đại chúng ra cửa nhiều tháp ba vòng, hương hoa đầy đủ và ngời xôm sai người có thể tụng tiếng rõ ràng thanh hay khen đức Đại sư, hoặc mười bài tụng hay hai mươi bài tụng, thứ lớp vào lại trong chùa đến chỗ thường nhóm. Đã

ngồi yên rồi sai một kinh sư lên tòa sư tử tụng tiểu kinh, ngồi trên tòa sư tử kia lượng chỗ nên không quá cao, tụng kinh phần nhiều là ba lần, chính là Tôn giả Mã Minh sắp đặt. Ban đầu có thể tụng mười bài, lấy ý kinh mà khen tam tôn, kế thuật chánh kinh là Phật thân nói, đọc rồi lại bày hơn mười bài tụng, luận hồi hướng phát nguyện, tiết đoạn ba lần cho nên nói là tam khải. Khi xong kinh, đại chúng đều nói rằng: “Tô bà sư đa”, tô tức là diệu, Bà sư đa là Lời, ý muốn khen kinh là lời vi diệu. hoặc nói là “Sa bà độ” nghĩa là lành thay. Kinh sư mới xuống Thượng toà trước khởi lễ tòa sư tử, tu kính đã rồi, kế lễ tòa Thánh tăng rồi trở về chỗ cũ. Thượng tòa thứ hai chuẩn trước lễ hai chỗ rồi, kế lễ Thượng tòa rồi mới ngồi lại chỗ của mình. Thượng tòa thứ ba chuẩn trước đồng vậy, xong ở cuối chúng. Nếu đại chúng kia qua ba người năm người, bao nhiêu đều một lúc trông chúng mà lễ, tùy tình mà đi. Pháp đây chính là pháp thức chúng tăng của nước Thấm Ma Lập Đế ở phương Đông Thánh đến như chùa Na Lan Đà mọi người ân cần, Tăng chúng số hơn ba ngàn, tạo thứ khó làm lần nhóm, chùa có tám viện, phòng có ba trăm, chỉ có thể tùy thời, ngay chỗ ở mà làm lễ tụng.

Nhưng cách đây sai một người có thể xưng đạo sư thường đến buổi chiều tuần hành lễ tán, đồng tử Tịnh Nhơn đem hương hoa dẫn đi trước, viện viện đều qua, điện điện đều lễ. Mỗi khi lễ bái cáo tiếng khen ngợi ba tụng năm tụng, tiếng vang đều thấu suốt, xong ở buổi chiều mới nói khắp. Vị xưng đạo sư đây hằng nhận sự cúng dường của nhà chùa, hoặc lại riêng đối đài hương, thì ngồi một mình mà tâm khen ngợi, hoặc biện đến chữ Phạm thì chúng quỳ mà cao điển, rồi sau mười ngón tay rải đất cúi đầu lạy ba lạy. Đây chính là tây phương mượn nghi lễ kính mà hạng già bệnh mặc tình ở toà nhỏ. Người khen Phật kia xưa đã có nhưng làm hơi khác, không giống cách Phạm.

Vả lại như khi lễ Phật nói rằng khen tướng tốt của Phật tức hợp thẳng tiếng khen dài, hoặc mười tụng hay hai mươi tụng là cách kia. Lại Như Lai . . . các kệ, nguyên là khen Phật, bởi do âm vận hơi dài, ý nghĩa khó hiểu. hoặc có thể như đêm chay tịnh đại chúng xót thương sai một người có thể tụng một trăm năm mươi bài tán bốn trăm nài tán cùng các bài tán khác thì rất tốt. Nhưng mà lễ kính của nước tây thanh truyền khen ngợi, chỉ người có tài đâu không ở chỗ tôn kính mà làm lời xưng tán. Vả lại như Tôn Giả Ma Thất Ly Chế Thát chính là người tài giỏi đức lớn vượt quần anh ở phương tây, truyền rằng: “Khi Phật còn tại thế, như lúc Phật chính thân lãnh đồ chúng đạo đi chốn nhơn gian. Bấy giờ có con chim? Thấy Phật tướng tốt vọi vọi như núi vàng, bèn ở

trong rừng phát tiếng hòa nhã tựa như khen ngợi. Phật bèn bảo các đệ tử rằng: “Con chim đây thấy ta nên vui mừng bất giác ca lên, do nhân duyên đây sau khi Ta diệt độ nó sẽ được thân người tên là Ma Thất Ly Chế Thát, rộng làm khen ngợi thật đức của ta”. (Ma Thất Ly là mẫu, Chế Thát là Nhi). Người kia ban đầu nương ngoại đạo xuất gia thờ Đại Tự Tại Thiên, đã là chỗ tôn trọng, đủ bày ca khen, sau bèn thấy chỗ ghi tên trở lại phát tâm thờ Phật nhuộm y xuất tục, rộng khởi khen ngợi. Hối hận lỗi quấy lúc trước, tuân theo dấu vết thù thắng ở tương lai, tự buồn không gặp Đại sư, chỉ gặp tượng Phật, như hút nước mương đầy, phù hợp điều thọ ký, khen công đức Phật. Ban đầu làm bốn trăm bài tán, kế làm một trăm năm mươi bài tán, gồm bày lục độ rõ Phật Thế Tôn có đức thù thắng, đây có thể gọi là văn tình uyển chuyển đẹp để tranh thơm cùng hoa trời, lý chí tình cao, tranh cáo cùng gò đất, người tạo tám tưng của phương tây đâu không đều đồng học tập. Vô Trước và Thế Thân Bồ Tát đều ngưỡng chỉ. Cho nên ở Ngũ thiên khi mới xuất gia cũng đã tưng được năm giới mười giới, tức cần trước dạy tưng hai tán đây, không hỏi đại thừa hay tiểu thừa đều đồng tuân theo đây.

Có sáu ý: Một, có thể biết đức của Phật sâu xa, Hai, thứ lớp thể chế văn, Ba, khiến thiết căn thanh tịnh. Bốn, được hông tạng khai thông. Năm, ở chỗ chúng đông không sợ. Sáu, sống lâu không bệnh. Tụng được đây rồi mới học kinh khác. Nhưng mà điều tốt đẹp đây chưa truyền đến Đông Hạ, nhà chú thích cũng nhiều làm hòa đó thật chẳng phải một. Trần Na Bồ Tát chính thân tự hòa, thường ở bài đầu đều thêm hai tên kia làm tạp tán, tụng có ba trăm. Lại Thích Ca Đề Bà là danh Tăng ở Lộc Uyển, ở trước bài tụng của Trần Na đều thêm một bài tụng gọi là Nhữ Tạp Tán gồm có bốn trăm năm mươi bài tụng. Nhưng có hạng chế tác đều dùng làm gương soi.

Lại Long Thọ Bồ Tát dùng thi thay thơ gọi là Tô Hiệt Lý Ly Khư dịch là Mật Hữu Thơ gửi cho đàn việt xưa hiệu Bà Đa Bà Hán Na tên là Bồ Diễn Đắc Ca làm Đại Quốc Vương ở phương nam, có thể gọi là văn võ hoa mỹ phát thăm hỏi ân cần, ngón tay giữa đường thân vượt qua xương thịt, đã trúng ý thú thì có nhiều ý. Trước khiến kính tin tam tôn, hiếu dưỡng cha mẹ, trì giới bỏ ác, chọn người kết giao, ở các tài sắc tu quán bất tịnh, kiểm xét nhà ở chánh niệm vô thường, rộng thuật ngạ quỷ bàng sanh, thanh đạo người trời, địa ngục, lửa đốt trên đầu không rảnh phải bỏ, duyên khởi vọng tâm chuyên cầu giải thoát, riêng làm ba huệ, rõ tánh thánh đạo, khiến học bốn chơn, chứng hai đặc viên ngưng. Như Quán Tự Tại không lựa oán thân, đồng A Di Đà hằng ở tịnh độ, đây

là thuật hoá sanh, cốt yếu không do thêm. Hàng mới học ở Ngũ Thiên đều trước tụng thơ tán đây. Loại quy khâm ngưỡng không ai chẳng nghiê-nhĩn vị trọn đời. Như pháp lữ ở Thần Châu tụng Quán Âm Di giáo, kẻ tục tụng ngàn văn Hiếu kinh, đâu không khâm ngoan dùng làm sư phạm (mẫu mực). Xả Đắc Ca Ma La cũng đồng loại đây (Xả Đắc Ca là bốn sanh, Ma La là quán, nhóm lấy việc các hạnh đời xưa của Bồ Tát, xỏ suốt một chỗ). Nếu dịch có thể thành hơn mười cuộn, lấy việc bốn sanh mà làm thi tán, muốn khiến thuận tục xinh đẹp, người đọc ưa vui, giáo nhiếp quần sanh.

Bấy giờ, vua Giới Nhựt rất ưa văn bút bèn hạ lệnh rằng: “Các vua ai thi tán hay sáng sớm ngày mai đem đến cho Trẫm” và khi nhóm lại được năm trăm bài. Mở ra xem phần nhiều là Xả Đắc Ma La, mới biết trong tán vịnh đây là hay nhất. Các đảo Nam Hải có hơn mười nước, không hỏi pháp hay tục đều phúng tụng, như thi tán trước mà Đông Hạ chưa từng dịch ra. Lại vua Giới Nhựt lấy việc Thừa Vân Bồ Tát lấy thân thay rồng chép tập làm ca vịnh, tấu giai cung huyền cho người làm nhạc, hạng múa nhảy rải ở đời. Lại Đại sĩ Nguyệt Quán ở đông Ấn Độ làm ca từ vô Thái Tử Tỳ Thân An Đạt La, người đều ca vũ khắp Ngũ Thiên.

Xưa nói rằng là Thái Tử Tô Đạt Noa, lại Tôn giả Mã Minh cũng làm ca từ và trang nghiêm Luận cùng Phật bốn Hạnh Thi, đại bốn nếu dịch có hơn mười quyển, ý thuật một đời Phật pháp của Như Lai từ ban đầu ở cung vua cho đến nơi rừng song Thọ, đều chép là thi, Ngũ Thiên, Nam Hải thấy đều phúng tụng, ý rõ chữ ít mà nhiếp nghĩa rất nhiều, lại khiến người đọc vui lòng quên mệt. Lại giữ gìn Thánh giáo có thể sanh phước lợi, một trăm năm mươi bài tán và thơ Bồ Tát Long Thọ đều riêng chép ở Ký Quy, nhạc tán vịnh bấy giờ phải tụng tập.

3- Tôn kính trái cách thức: Nghi lễ kính, giáo có rõ phép tắc, tự có thể sáu thời buộc niệm bốn thể chí thành, ở yên một chỗ, khát thực làm nghiệp, thuận hạnh đầu đà, tu đạo tri túc, chỉ đắp ba y không chứa đồ dư, chí tướng vô sanh, có luy toàn bộ, đâu được liên khác nghi Tăng riêng làm phép tắc, mặc áo xuất gia không giống loại thường, mà ở trong quán xá lễ các kẻ thế tục, kiểm tìm nơi giáo luật toàn ngăn việc đây.

Phật nói: “Có hai hạng người nên lễ là Tam Bảo và Bí Sô lớn tuổi”.

Lại có người giữ gìn Tôn tượng ở trong đường lớn, bụi dính mặt

Thánh để cầu tài lợi, hoặc có người câu thân, chích mình, đoạn tiết, xuyên da (cơ) dối làm hảo tâm vốn mong mạng sống, màu mè như đây nước tây toàn không có, khuyên bảo các người chớ làm hạnh này.

4- Học pháp phương tây: Một âm của Đại Thánh thì suốt ba ngàn mà gồm nhiếp, hoặc tùy cơ năm đường bèn bày bảy chín mà rộng giúp (bảy chín là tiếng rõ trong bảy chuyển chín lệ, như dưới lược rõ). Khi có ý nói pháp tạng Thiên Đế lãnh kinh Vô Thuyết, hoặc lại thuận lời bàn nói, Chi Na ngộ chữ bốn thỉnh đến đổi khiến đầu duyên pháp huệ đều xứng tâm trống lạng, chuẩn nghĩa trừ phiền đều ngưng vắng lặng. Đến nơi thắng nghĩa đế lý xa tuyệt danh ngôn, lại trong tục đạo chẳng có văn cú (Phú tục đế, xưa nói rằng thế tục đế, nghĩa không hết, ý nói việc đời che chơn lý người khác, sắc vốn chẳng phải bình, vọng làm mở bình, tiếng không ca cong dối làm ca tâm. Lại khi thức tướng sanh, thể không phân biệt, vô minh che lấp vọng khởi các hình, không rõ tự tâm cho là cảnh bên ngoài, rấn hay đây đều lầm, chánh trí đây trầm luân do đây che chơn gọi là phú tục. Đây cứ phú tức là tục gọi là phú tục, hoặc có thể chỉ nói rằng chơn đế phú đế).

Nhưng người dịch xưa nay, phép tắc Phạm ít bàn đến, gần đây truyền kinh chỉ nói rằng ban đầu bảy chẳng phải không biết. Vô ích không bàn, nay vọng gồm tập văn Phạm không nhọc phiên dịch là trọng, vì đây xét đề, tiết, đoạn thô thuật nền ban đầu ư? (Nhưng mà Cốt Lôn Tốc Lợi còn có thể gồm luận kinh Phạm hướng gì Thiên Phủ Thần Châu mà không bàn bốn thuyết kia. Cho nên phương tây tán rằng: “Mạn Thù Thất Lợi hiện ở Châu Tinh người đều có phước lý nên khâm phục tán thán, văn kia đã rộng đây không phiên chép). Phàm thỉnh minh, tiếng Phạm nói là Nhiếp Tha Tất Đà (đỉnh dạ phản), Nhiếp Tha là thỉnh, Tất Đà là minh tức là một minh của Ngũ minh luận, sách tục ở Ngũ Thiên chung gọi là Tỳ Hà Yết Lạc Noa, số lớn có năm đồng với Ngũ kinh của Thần Châu (xưa nói rằng Tỳ Ca La luận âm lầm).

Một là người mới học đều bàn chương, cũng gọi là Tất Địa La Tốt Đồ là xưng nêu chương tiểu học, đều lấy thành tựu điềm lành làm mục tiêu, vốn có bốn mươi chín chữ, cùng nương nhau chuyển thành mười tám chương gồm có hơn một vạn chữ, hợp lại hơn ba trăm bài tụng. Phàm nói một bài tụng bèn có bốn câu, một câu tám chữ, gồm thành ba mươi hai chữ, lại có tiểu tụng đại tụng không thể đủ thuật, đồng tử sáu tuổi học đó, sáu tháng mới xong, đây tương truyền là Đại Tự Tại Thiên nói.

Hai, gọi là Tô Đất La, tức là kinh căn bản của tất cả Thịnh minh, dịch là lược thuyên ý minh, lược nói yếu nghĩa có ngàn bài tụng, đây là nhà bác học xưa tên Hồng Nhu Ba Ni Nhĩ làm ra. Là chỗ gia bị của Đại Tự Tại Thiên, mặt hiện ba mắt, người bảy giờ mới tin, đồng tử tám tuổi tụng xong phải tám tháng.

Ba, gọi là Đà Đổ Chương, có ngàn bài tụng chuyên rõ chữ nguyên, công như kinh trên.

Bốn, gọi là Tam Khí La Chương, là nghĩa hoang hoang, ý so với ruộng mới khai hoang, nên nói rằng Tam Hoang Chương: Một gọi là Át Sát Thát Đà Đổ (ngàn bài tụng). Hai gọi là Văn Trà (ngàn bài tụng). Ba tên là Ổ Noa Địa (ngàn bài tụng). Đà Đổ thì ý rõ bảy lệ, hiểu thập la thịnh thuật vận hai chín, nói bảy lệ là trên tất cả tiếng thủy đều có. Trong mỗi mỗi tiến đều chia ba, nghĩa là một lời hai lời nhiều lời, chung thành hai mươi một lời. Như gọi nam tử, một người gọi là Bồ Lỗ Sái hai người gọi là Bồ Lỗ Sảo, ba người gọi là Bồ Lỗ Sa, trong đây tiếng có hô hấp nặng nhẹ sai khác, ngoài bảy lệ lại có kêu danh tiếng lại thành tám bộ, câu đầu đã ba, các câu khác đều chuẩn đây, sợ phiên không chép. Tôn Tô Bàn Đa Thịnh (có ba ngàn tám trăm hai mươi bốn tiếng) Thập La Thịnh có mười món chữ La, khi hiển một tiếng liền rõ sai khác ba đời. Hai mươi chín vận là rõ cao thấp của thượng trung hạ, sai khác của kia đây. Nói có mười tám nóm không đồng, tên Đinh Ngạn Đa thịnh. Văn trà thì hợp thành thể chữ.

Vả lại như một mặt của cây, tiếng Phạm nói rằng Tất Lực Xoa, lại dẫn hơn hai mươi câu văn kinh cùng xen tạp nhau mới thành hiệu một việc. Ổ Noa Địa thì phần lớn đồng lệ đây, mà do rộng lược là khác. Ba hoang chương đây, đồng tử mười tuổi siêng học trong ba năm mới hiểu nghĩa kia.

Năm, nghĩa là Tất Lật Để Tô Đất La, tức là giải thích Tô Đất La ở trước, thượng cổ làm chú thích, loại kia thật nhiều. Ổ Trung Diệu có mười tám ngàn bài tụng, diễn kinh vốn rõ bàn các nghĩa, tốt quy cũ hoàn trung, cùng phép tắc của trời người, đồng tử mười lăm tuổi học năm năm mới hiểu. Người Thần Châu nếu hưởng phương tây cầu học vấn, cốt yếu cần biết đây mới có thể học tập điều khác, không như vậy chỉ tự luống nhọc công.

Các sách đây đều cần tụng thâm, đây là căn cứ hạng thượng hơn chữ bậc trung hạ lấy ý có thể so lường, siêng năng ngày đêm không rảnh đâu mà ngủ. Đồng ba tuyệt của Khổng Phụ, bằng trăm bài của Tuế Thích, lông trâu có số ngàn sừng lân chỉ có một, so công Thần Châu rõ

gần giống kinh trên, đây là học sĩ Xà Na Diệt Đế làm ra, người kia là khí lượng rộng lớn văn chương tuyệt vời, một khi nghe liền lãnh nhiều phước nghiệp ngài mất đến nay đã ba mươi năm. Rảnh giải thích đây rồi mới học tập chuyết thơ biểu chế tạo bài thi, đến tướng như minh, kiên thành câu xá, tìm lý môn luận so lường khéo thành, tập Bốn Sanh suốt tài ba tứ pháp, rồi sau hàm trưởng truyền trao ba hai năm, phần nhiều ở chùa Na Lan đà (trung thiên) hoặc ở nước Bạt Nã Tỳ (tây thiên), hai chỗ đây, sự đông Kim Mã, Thạch Cừ, Long môn thiếu lý, anh sản mây nhóm bèn tính phải quấy, nếu hiền minh khen lành, xa gần xưng tốt, mới bắt đầu tự ngẫm nghĩ kiếm nhơn, ném đao ở sân vua, hiến sách trình tài hi vọng lợi dùng, chỗ ngồi bàn luận, mình thì nặng toà nêu kỳ, lên tràng phá xích. Người bèn kết lưới xưng xấu hổ tiếng chấn động năm núi, âm thanh lưu bốn cõi, rồi sau nhận phong ấp sách doanh ban thưởng tố cao môn lại tu các nghiệp.

Lại có nghị thích Tất Lật Tô Đất La tên Châu Nhĩ có hai mươi bốn ngàn bài tụng, là học sĩ Bát Diên Xả La làm ra. Đây chính lại hiển kinh trước, dụ cơ chia lý, rõ ràng chú thích sau mở sớ nhỏ nhiệm, rõ học kinh đây ba năm mới xong, công cùng xuân thu, Chu dịch gần giống.

Kế có Phật Chí Kha Lợi Luận là Tiền chu nhĩ nghị thích, tức Đại học sĩ Phật Chí Kha Lợi làm ra, có hai mươi lăm ngàn bài tụng, đây thì thanh bàn cốt yếu như sự tỉnh minh, rộng chép nguyên do hưng phế của các nhà, rất rõ Duy Thức, khéo luận như dụ, học sĩ đây âm vang chấn động Ngũ Thiên, đức khắp tám cực, tin chắc tam bảo tướng bốn nhị không, cầu thắng pháp mà xuất gia, luyến triền nhiệm mà trở lại tục, qua lại cả thấy bảy lần, tự chẳng sâu tin như quả ai có thể siêng làm như đây. Tự than thi rằng:

*Do nhiệm lại về tục,
Lìa tham, áo đen lại
Làm sao hai loại việc
Đùa ta như trẻ con.*

Là người đồng một thời với Hộ Pháp Sư, thường ở trong chùa mà có tâm trở về tục, bị phiền não bức bách không ngừng, liền sai học sinh cùng ra ngoài chùa, người bấy giờ hỏi duyên cớ, đáp rằng: “Phàm là đất phước là chỗ ở của người giới hạnh, ta đã bên trong có tâm tà tức là thiếu chánh giáo, đất của mười phương tăng không chỗ để chân, ông làm người thanh tín, thân mặc áo trắng mới vào trong chùa tuyên dương chánh pháp. Ông mất đến nay đã bốn mươi năm”.

Lại có Bạt Ca (ngược chỉ vậy) Luận có bảy trăm bài tụng, chú

thích có bảy ngàn, cũng là Phật Trí Kha Lợi làm ra, bày nghĩa thánh giáo lượng và tỷ lượng.

Kế có Tất Noa, có ba ngàn bài tụng, chú thích có mười bốn ngàn. Bài tụng là Phật Trí Kha Lợi làm ra, chú thích thì Hộ Pháp luận sư chế tác, có thể cho là tốt thâm sâu của trời đất, tốt tinh hoa của nhơn lý. Nếu người học đến đây mới gọi là khéo hiểu Thịnh Minh, cùng chín kinh của trăm nhà gần giống. Đây đồng các sách, pháp tục đều chung học, nếu kia không học, không được xưng là đa văn. Nếu người xuất gia thì khắp học Tỳ Nại Gia, đầy đủ kinh và luật, khuất phục ngoại đạo như đuổi nai ở trung nguyên, giải gạn hỏi đồng vọt trời cao của đỉnh núi, bèn khiến âm vang chảy giữa Thiệm Bộ, nhận cung kính trên trời người, giúp Phật tuyên dương giáo hoá, rộng dẫn dắt quần sanh, đây thì nối đời kéo kiếp hoặc một hoặc hai, thí dụ đồng với mặt trời mặt trăng và voi lớn, đây chính xa thì loại Long Mãnh Đề Bà, Mã Minh, giữa thì Thế Thân, Vô Trước, Tăng Hiền, Thanh Triết, gần thì Trần Na, Hộ Pháp, Pháp Xứng, Giới Hiền và Sư Tử Nguyệt, An Huệ, Đức Huệ, Huệ Hộ, Đức Quang, Thắng Quang, đây đồng đại sư thầy đều đủ các đức trong ngoài và đều ít muốn biết đủ, thật không ai sánh cùng. Trong hàng thế tục hay ngoại đạo thật khó kiếm được người như đây (rộng như trong truyện Tây phương thập đức có chép đủ) Pháp Xứng thì lại hiển nhơn minh, Đức sáng bèn lại hoằng tạng luật, Huệ chính là môn định lắng tưởng, Huệ Hộ thì rộng biện chánh tà, mới nghiệm cá tính ở biển lớn sâu gọi là trần hiện sắc màu, Hương Phong cao vòi vọi, thượng được (thuốc quý) trình kỳ lạ. Phải biết Phật pháp sâu rộng chỗ nào không nạp, đâu không ứng vang thành bài, đâu phiến đủ mười bốn, không nhọc khắp trăm. Hai quyển một phen nghe liền lãnh hội (có ngoại đạo làm sáu trăm bài tụng, đến vấn nạn Hộ Pháp Sư, Pháp Sư đối chúng một phen nghe văn nghĩa đều lãnh hội).

Lại ở Ngũ Thiên đều cho Bà la môn là quý thặng, hễ có hội hè đều không đi chung với ba dòng họ khác, tự ngoại tạp loại cho nên xa, kinh sách tôn trọng là bốn bộ vệ đà, có thể mười muôn bài tụng, vệ đà là rõ giải nghĩa, trước nói Vi đà là sai, hoặc là dùng miệng truyền trao nhau mà không viết trên giấy hay lá, thường có Bà la môn thông minh tụng mười muôn đây liền như tây phương truyền nhau có cách học thông minh một là sanh trí thẩm phú, hai là thì chữ mẫu an thần, khoảng tuần tháng suy nghĩ như suốt vọt. Một phen nghe liền lãnh hội, không rảnh bàn lại, chính thân thấy người kia vốn chẳng đối, ở Đông Ấn Độ có một đại sĩ tên Nhật Nguyệt Quang là người đại tài hùng như Bồ tát,

ngày tịnh đạo người kia vẫn còn, hoặc hỏi đó rằng: “Gương độc cùng thuốc độc, làm hại ai là nặng” tùy tiếng đó đáp rằng: “Thuốc độc cùng gương độc cách nhau thật xa, thuốc độc uống mới hại, gương độc nghĩ liền đốt”.

Lại nữa Thăng Lan chính là Chấn Phương ở Đông Lạc, Chơn Đế thì giá vang ở Nam Minh đại đức La Thập đức nổi bật ở nước người, pháp sư Huyền Trang diễn công của sư ở nước mình. Nhưng các thầy xưa nay đều sáng truyền mặt trời Phật, có không đều đến, học tập ba tạng dùng làm thầy, định huệ song tu, chỉ bảy giác mà làm kiệt xuất, kia hiện tại phương tây thì chùa Đề La Trà có pháp sư Trí Nguyệt, trong Na Lan Đà thì đại đức bảo sư tử, phương đông liền có Địa Bà Yết La Mật Đát La, Nam? Có Đát Tha Yết Đa Yết Bà, nam Hải nước Phật Thệ thì có Thích Ca Kê Lạt Đế (nay hiện tại nước Phật Thệ qua Ngũ Thiên mà rộng học) đây đều so sự xuất sắc của Tiền Hiền, theo dấu vết thông minh, hiểu hơn minh luận thì suy nghĩ Trần na vị Tông Du Già, thật mừng nhờ Vô Trước bàn không thì khéo phù hợp với Long Mãnh, luận có thì Diệu Thể Tăng Hiền, có pháp sư đây tịnh và thân giáp chiếu ghé ăn nhận lời vi diệu, mừng mới biết ở chỗ chưa nghe, ôn xưa hiểu nơi từng được, tưởng một vọng truyền đấng, thật mừng sáng nghe mong buông trần ở trăm nghi, phần tùy tối diệt còn bèn bỏ sót châu ở ngọn Linh Thứu thời được chơn kia, chơn bau tan ở sông Long rất bèn nhiệm mầu kia. Ngưỡng mong tam bảo xa giúp, nhờ ân vua thắm gần, bèn được xoay gót về đông, trống buồm ở biển nam, từ nước Chấm Ma Lạp Đế đã hiểu Thất Lợi Phật Thệ, dùng ở đã bốn năm, quyển luyện chưa kịp về nước.

5- Tóc dài có không: Tóc dài thọ giới cụ túc ở Ngũ Thiên không có, luật tạng cũng không thấy văn nói, theo xưa vốn không có việc này. Nhưng hình đồng tướng tục khó mà giữ tội, đã không thể giữ thọ nào ích gì. Hẳn có tịnh tâm mới cầu cạo tóc nhuộm y, niệm sạch cầu giải thoát làm bốn hoại. Năm giới mười giới vâng làm mà không thiếu, tròn đủ tâm viên tuân tu luật tạng Du Già học xong, thể nghèo tám chi không dính (một Nhị Thập Duy Thức Luận, hai Tam Thập Duy Thức Luận, ba Nhiếp đại Thừa Luận, bốn Đối Pháp Luận, năm Biện Trung Biên Luận, sáu Duyên Khởi Luận, bảy Đại Trang Nghiêm Luận, tám Thành Nghiệp Luận. Trong Đây tuy có Thế Thân làm mà công quy về Vô Trước). Hơn rõ công trước, gương suốt Trần Na tám luận (một Quán Tam Thế Luận, hai Quán Tổng Tướng Luận, ba Quán Cảnh Luận, bốn

Nhơn Môn Luận, năm Tợ Nhơn Môn Luận, sáu Lý Môn Luận, bảy Thủ Sự Thi Thiết Luận, tám Tập Lượng Luận) tập A Tỳ Đạt Ma thì khắp xem sáu túc, học A Cấp Ma kinh bèn toàn tham bốn bộ, rồi sau hàng tà phục ngoại đạo, suy dương chánh lý, rộng giáo hoá quần sanh, hằng dẫn dụ quên bệnh, liên tưởng hai không, lắng trong tám đấng, kính tu bốn định, khéo hộ bảy thiên, dùng tổng trọn đây lành trên hết, nếu không vậy, tuy ở nhà không nhiễm thất riêng, nhưng thẳng một thể để mong xa lìa tùy xin để cúng công thượng, mặc áo thô mà ngăn xấu hổ, giữ gìn tám giới (một là không sát sanh, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm, bốn là không vọng ngữ, năm là không uống rượu, sáu là không làm nhạc đeo hoa thoa hương, bảy là không ngồi giường cao rộng lớn, tám là không ăn phi thời). Trọn đời dùng yếu tâm vi kính tam tôn, kế hợp Niết Bàn mà gần tưởng, đây kế kia, hẳn kia hiện chỗ ràng buộc, nuôi dưỡng vợ con, tâm cung kính người trên, lòng từ bi với kẻ dưới, thọ trì năm giới hằng làm bốn trai. Ngày mừng tám (hắc ngoạt, hoặc ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, bạch ngoạt mừng tám, mười lăm, cốt yếu cần thọ tám giới mới xứng thánh tu, nếu không thọ bảy giới trước, chỉ trì giới thứ tám thì phước rất ít. Ý ở ngăn trừ bảy lỗi, không chỉ đối bụng mà thôi).

Với người thì trung thực, tha thứ, với mình thì nghiêm khắc và siêng năng, làm việc thì vô tội để dâng quan thân, đây cũng tốt (vô tội là khởi đối, do kia không tổn chúng sanh. Nước tây bấy giờ kẻ tục đều cho đi buôn là quý, không nặng nghiệp như nông phu do cày cấy gieo trồng mà tổn mạng sinh vật. Lại nuôi tầm giết heo bò là nhơn khổ, trong mỗi một năm tổn hại cả ức, làm đã từ lâu không cho là trái, trong đời vị lai chịu khổ không cùng, không làm nghiệp đây gọi là vô tội). Đến như kẻ tục mờ mờ không biết tam quy, mịt mịt trọn đời không biết trì một giới, không hiểu Niết Bàn là vắng lặng, đâu ngộ sanh tử là luân hồi, chấn làm tội nghiệp ở dưới đây.

6- Cửa người chết, tăng hiện tiền: Muốn chia vật của Bí sô chết, luật đủ văn rộng, đây đủ thời cần chỉ lược sơ ra, trước hỏi thiếu nợ, dặn cho ai và cho người nuôi bệnh, nương pháp thương lượng vật chớ cho trái ý, vật còn dư chuẩn sự nên biết.

Ôn Đà Nam nói:

*Ruộng nhà giường toạ cụ
Đồng sắt và các da,
Dao cạo cùng bình y,*

*Các sào và tạp vật
 Ăn uống và các thuốc
 Giường toà và khoán khế
 Vàng bạc của tam bảo
 Thành chưa thành không đồng
 Các loại vật như vậy
 Nên chia hay không chia
 Tùy ứng lựa riêng biết
 Là lời Thế Tôn nói.*

Nói tùy ứng, cái gọi là ruộng vườn, nhà cửa, giường nệm, mền chiếu, các đồ đồng sắt, đều không nên chia. Ở trong đó bát sắt, bát nhỏ và chén đồng nhỏ, khoá cửa, kim chùy, dao cạo, dao con, thìa sắt, lò lửa và nồi chõ... cùng các túi đựng các thứ đây. Hoặc đồ ngói như bát, bát nhỏ, tịnh xuất, quân trì và vật đựng dầu cùng đồ đựng nước, đây đều nên chia, con bao nhiêu không nên chia. Kia đồ cây, đồ tre và vật nằm bằng da, đồ cắt tóc, nô tỳ, ăn uống, lúa đậu và ruộng nhà... đều vào của tứ phương tăng, nếu vật có thể chuyển đổi nên chứa ở các kho cho tăng bốn phương đều dùng. Nếu ruộng nhà, thôn vườn ở không thể đổi, nên vào của tăng bốn phương, nếu có dư tất cả áo mặc, không hỏi pháp y, áo tắm, hoặc nhuộm hay không nhuộm và da, dầu bình giày dép đều hiện tiền nên chia. Trước nói là đồng tay áo không chia, áo trắng vào vật nặng, bởi là do ý châm trước. Sào lớn có thể làm sào treo tràng phan chỗ Thiệm Bộ quang tượng (nói Thiệm Bộ quang tượng tức như trong luật rút ra, duyên khởi nguyên là khi Thế Tôn không xử chúng, chúng không oai nghi đến đổi khiến cho Trưởng giả Cấp Viên thỉnh Thế Tôn rằng: “Xin làm Thiệm Bộ Quang Tượng cho chúng để trên đầu” Đại sư hứa làm, nhỏ có thể làm tích tượng cho Bí sơ đi. (nói tích tượng tiếng Phạm nói là Khiết Khí La, tức là nghĩa kêu ra tiếng, người xưa dịch là tích, ý lấy tích làm tiếng kêu, gây tích mặc tình xưng gọi là nghiệm. Phương tây trì tích tượng, trên đầu chỉ có một mâm thiếc cuốn có thể chừng hai ba tấc đặt kia như ống dài bốn năm ngón tay. Sào kia dùng cây gỗ, thô nhỏ tùy thời, cao bằng vai, dưới để ? thiết, có thể chừng hai ba tấc, vòng kia hoặc tròn hoặc lệch, cong nên chằng giữa có thể xỏ ngón tay cái, hoặc sáu hoặc tám, xỏ đặt trên cánh đồng sắt mặc tình. Nguyên ý chế là khi khát thực ngăn bò chó, nào dùng cực nhọc ràng buộc nhọc lòng mà lại thân gồm sắt đầu đặt bốn cánh, nặng mang đem giữ chẳng thường lạnh rít chẳng phải bốn chế).

Trong bốn chân, nếu là voi ngựa lừa lạc đà, phải cho quốc vương,

bò dê của tăng bốn phương không nên chia, nếu loại có sừng cũng của nhà vua, binh đao... có thể đem đập làm kim chùy giao và đầu tích tượng cho hiện tiền tăng già (dầu không phổ biến theo lớn mà làm). Thuộc lưới cá nên dùng làm lưới cửa sổ, nếu màu sắc lại là vàng đỏ bích xanh, lục... nên vào điện Phật đem cúng dường tượng. Đất trắng đất đỏ và dưới sắc xanh, hiện tiền tăng nên chia. Nếu rượu muốn chua nên chôn dưới đất đợi thành dấm đầy đủ rồi tăng nên ăn đó. Nếu hiện là rượu nên đổ bỏ không nên bán cho hàng quán. Phật nói: “Bí số các ông nếu nường ta không được đem rượu cho người và tự mình uống, dẫn đến không nên lấy cỏ tranh thấm rượu để vào miệng một giọt, nếu đem rượu và bã rượu làm miếng và canh hèm để ăn đều mắc tội vượt pháp. Luật có thành chế không cần phải nghi (linh nghiêm đạo trang thường dùng nước cám làm bột để tránh lỗi, người xưa thật là có ý).

Có các loại thuốc tạp nên để trong kho, dành cho người bệnh tùy ý nên dùng. Có các trân báu, châu ngọc thì chia làm hai phần, một phần của pháp, một phần của tăng, vật của pháp có thể vẽ Phật, chép kinh, làm toà sư tử, của tăng thì hiện tiền tăng nên chia, nếu đồ báu đã thành giường quạt nên đem bán lấy tiền cho tăng hiện tiền chia, cây đã thành thì vào của tăng già bốn phương.

Có kinh sách chương số đều không nên chia, phải nạp vào kinh tạng cho Tăng bốn phương cùng đọc. Sách ngoài thì bán cho Tăng hiện tiền chia. Nếu có vật của bằng khoán, nếu có thể sớm bán được liền có thể chia, nếu chưa bán được phải chứa lại kho, lúc sau bán được cho Tăng bốn phương dùng. Nếu vàng bạc và đồ thành hay chưa thành đồ răng các tiền, đều chia làm ba phần, một phần Phật, một phần Pháp, một phần Tăng. Vật của Phật nên lo sửa điện Phật và tóc, móng, tháp bị hư. Vật của Pháp thì chép kinh, làm toà sư tử. Vật của chúng Tăng hiện tiền nên chia. Sáu vật sẽ cho người nuôi bệnh, tự bao nhiêu vật lộn xộn khác chuẩn đây nên biết đủ như đại Luật.

7- Nhận dùng vật của Tăng: Hiện nay phương tây, các chùa có y phục của Tỳ kheo, phần nhiều xuất thường trụ Tăng hoặc là vườn ruộng, hoặc là lợi tức của cây trái, mỗi năm chia cho để đủ y áo, hỏi rằng: “Người chết có thóc gạo còn sai nhập vào Tăng hưởng gì lúa đậu các nhà riêng người sao nên chia dùng?” Đáp: Thí chủ vốn bỏ thôn trang nguyên vì cúng cho chúng Tăng, há chỉ riêng cho ăn mà để lộ thân thể ư? Lại xét rõ việc đây đều có công lao của mọi người, còn tự cho y gặp chủ sao nên hay không nên, do đạo lý kia cúng ăn bao nhiêu đủ y

chẳng tổn”. Đây chính Tăng chúng nước tây bàn luận nhiều, nhưng kia sách Luật thời làm còn mất.

Lại các chùa nước tây riêng đặt cúng trang phục đạo tràng Thần Châu tự có cấp y, cùng được ăn thông cả đạo tục, đây căn cứ nơi tâm của thí chủ, giả sử khiến ăn no lý cũng chẳng lỗi. Phạm cúng cho Tăng ruộng nhà nhấn đến tạp vật, đều thông y thực của chúng Tăng, đây thật không có lỗi nghi ngờ. Nếu vốn tâm khởi ý vô tận vô chương tuy thí cho Tăng tình bèn khắp thông tất cả, nhưng ăn dùng đều không tội, đều do thí chủ vốn tâm không kỳ hạn. Nhưng ở Thần Châu, người khác không được nhận áo Tăng, vì đây chăm chỉ thật thành ngăn nghiệp, giả sử nên cúng tổn mạng chẳng phải áo tăng liền có thể ngay đó cho không cần ra cửa chùa cũng là rất thành ít việc. Huống gì quét phân ba y thay phiên xin ăn. Lan nhã nương cây chánh mạng tự sống, định huệ dung nạp, cực tướng đường giới luật, từ bi phát ra ngoia, nêu tâm bến khắp giúp, dùng đây dâng trọn làm trên hết.

Nhưng vật của thường trụ dùng làm y đắp mền nệm và các tạp vật chia đều nhận dùng không thuộc riêng ai, ưa mến giữ gìn còn hơn vật của mình. Có người lớn đến liền thôi người nhỏ mà cho, đây là thánh giáo Phật tự nói rõ, như pháp mà dùng thật không tội lỗi, đủ việc nuôi thân, khỏi phí công tìm cầu. Đâu cho nhà chùa chứa lúa gạo đầy kho nô tỳ đầy đủ, tiền tài chật kho, không biết nhận dung cùng nhau ôm nghèo, có phải là người trí biết thời chẳng? Hoặc có nhà chùa không lập chúng ăn, vật Tăng chia dùng riêng ăn, ngăn người khác thường ở, tà mạng mười phương chỉ còn một mình, đây là tự làm phi pháp, ai thay thế quả báo khổ ở đời sau cho đây.

8- Đốt thân không nên: Các chúng xuất gia trong đoái hoài có một đường, hạng mới học tình còn lạnh lợi, chưa rảnh nơi sách thánh, lấy tin trước người, toan đốt ngón tay làm siêng năng, dùng đốt cỏ làm phước lớn, tùy tình liền làm đoạn ở tự tâm. Nhưng trong kinh có nói rõ, sự còn thông tục, thân mình còn cố gắng cúng dường huống gì các vật ngoài thân, cho nên trong kinh chỉ nói nếu người phát tâm, không nói chúng xuất gia, ý nói người xuất gia thuộc nơi luật tạng, trong giới không phạm mới được thông kinh, ở giới có trái phạm chưa thấy kia có thể được. Dầu khiến đài hương cỏ tốt há tổn một cọng, đồng trống riêng đốt thà ăn nửa hột nhưng chúng sanh mừng thấy, đây chính tục lưu đốt cánh tay cúng dường, thật là nên vậy. Có thể do Bồ tát xả con trai con gái bèn khiến Bí sô cầu con trai con gái để xả. Đại sĩ tổn mất tổn thân,

liền khiến khát sĩ đem thân mất mà bố thí, tiên đoán đoạn mạng đầu phải chổ làm của luật. Sức từ bỏ thân chẳng phải tăng chúng nên làm, so nghe hàng tuổi trẻ phát tâm đồng mãnh ý cho là đốt thân liền lên chánh giác bên theo nhau tập khinh bỏ thân kia, hà tấc mười kiếp trăm kiếp khó được thân người, ngàn đời muôn đời tuy người ít trí, ít nghe bảy giác, không gặp tam tôn, nay đã nương thể thẳng tràng, để tâm nơi diệu pháp, vừa trì một tụng, bỏ cơ xa mà còn khinh, tạm tưởng Vô thường, bỏ trần cúng mà đầu trọng, lý nên bền tu giới phẩm, đền đáp bốn ân, bền tưởng môn định mong giúp ba cõi, lỗi nhỏ nhiều sợ, như vượt biển sâu giữ gìn phao nổi. Hạnh huệ bền ngăn đồng che nước mỏng mà sách tấn bồn chạy, rồi sau nương sức bạn lành, lúc lâm chung giúp không tâm sợ, Chánh niệm lòng thành đời nguyện thấy từ thị. Nếu mong tiểu quả liền tám Thánh có thể cầu như học đại nhưn thì ba tờ khắc bắt đầu, vôi vàng hị đoạn thân mạng thật cũng chưa nghe lý kia, tội tự sát việc xấu ở Đẩu thiên, kiếm tìm ở lục tạng không thấy sai làm việc thọ thân nói phương cốt yếu, đoạn hoặc há do đốt mình. Trong phòng đánh thế Phật ngăn không cho, trong ao còn sông tôn tự xưng thiên, phá giới trọng mà tùy tự ý, miệng vàng ngăn không theo, do đây quy tâm thật chẳng phải Thánh giáo, hẳn có làm hạnh Bồ Tát không nhận luật nghi, quên mình giúp người vốn ở ngoài lời.

9- Bàng nhưn mắc tội: Phạm loại đốt thân đều nêu trong thành Phật, hoặc ba người hai người đồng tâm kết khế, dẫn dụ các người sẽ học rõ là khuyên chết, ở người chết trước tự mắc tội Thâu Lan Giá, người chết sau cũng mắc tội Ba La Di, không chịu trì cấm mà còn muốn chứng đắc, phá giới cầu chết vốn giữ chuyên tâm từng không nhìn giáo, thẳng có bàng nhưn khuyên làm liền phạm lời lỗ kim. Nếu nói sao không nhảy vào lửa liền chiêu lỗi chẻ đá, than ôi! Việc đây thật có thể cẩn thận.

Tục nói rằng: “Giết thân không bằng báo đức, diệt danh không bằng lập tiết”. Nhưng mà buông thân miệng hổ đói là Bồ Tát cứu khổ, cắt thân hay thịt chim, chẳng phải chổ làm của Sa môn, do đây đồng liệu thật chẳng phải dụ kia, liền chứng tam tạng, lược bày có thể chẳng. Lượng tới lui nên người trí rõ xét, nhưng trong sông Hằng ngày giết mấy người, bên núi Già Gia tự vẫn chẳng phải một, hoặc đói mà không ăn, hoặc lên cây buông mình, hoặc mê mờ đây Thế Tôn phán là ngoại đạo.

Lại có người tự cắt thế, rất trái sách luật, giả sử có đem làm lỗi,

sợ tội không dám can gián nhau, nếu duyên kia đầy trí mạng liền làm một đời đại sự. Phạt như lý đây chế mà không chấp nhận, thượng như thông biết tự không chịu làm, cổ đức truyền thuật nhau như sau.

10- Cổ đức không làm: Vả lại như tịnh quán giáo sư thì khéo gặp pháp sư.

Quý Phạm Sư thì huệ trí Thiền sư. tuổi quá bảy năm mong được thân gần hầu hạ hai thầy, đều hàng kiêu vàng Thái sơn thánh như rõ Thiền sư tạo đại đức cho chùa Thần thông. Tục duyên còn ở đức đủ hai châu, hai đức dùng làm, độc thiện ở núi riêng đường lợi sanh, bèn cùng đến khe xanh ở phủ Bình lâm, ở chùa Thổ Quạt thử tu tịnh cư liền cách thành Tề Châu bốn mươi dặm, do không hết tạng thực cúng dường không ngại, chỗ nhận đàn việt hoặc tùy hỷ xả có thể gọi là bốn Thệ nguyện rộng lớn cùng trời đất mà rộng lớn, bốn nhiếp ruộng giúp đồng trần xa mà không cùng, kính sửa chùa chiền, thanh khởi phước nghiệp, lược bày bảy đức của Pháp sư.

Một, Pháp sư rộng nghe, bên chánh dóm ba tạng, riêng liếc nhìn trăm nhà, hai học đều gồm, sáu nghề không đủ, thuật thiên văn địa lý, ký lạ của âm dương lịch toán chỉ có kinh tâm thì nhiệm mầu suốt thần phủ. Biển huệ minh mông, chép hết mực mà quên khát, vườn văn sáng lạ, trần mở bày mà phí tàn, chỗ chế văn nghệ và tất cả kinh âm và các chữ viết hơi truyền ở đời, thường tự nói rằng “Ta nếu không biết thì chẳng phải là chữ”.

Hai là Pháp sư nhiều khả năng khéo chữ triện chữ trứ chung trương, nghe tiếng tổ đồng như Tử Kỳ nghiệm sơn thủy, vận búa rìu bằng thợ đá làm bay bùn, người thông minh không khí là ở đây.

Ba là thông huệ của Pháp sư. Đọc kinh Niết bàn một ngày liền hết, ban đầu tụng sách đây bốn tháng hết bộ. Nghiên cứu tôn sâu xa, khéo tham ý chỉ nhiệm mầu. Dạy tiểu đồng thì dùng bán tự để dẫn dụ, thật không xét nghi kiếm, trao đại cơ thì chép đó nguyên khí, thật có ích phụng trân quý. Xưa nhờ Noạ Lý đạo Toả Pháp sư bèn vượt đến dương phủ, chư tăng thấy đều nói là “Lỗ Hán” thể nhiều chất phát, bèn khiến pháp sư đọc kinh. Niết bàn, sai hai tiểu sư đem nhìn theo câu, Pháp sư lúc này giọng nói hùng hồn kích dương âm chỉ, sáng đến chiều ba lần đã hết. Người bấy giờ đều mừng khen mời nghỉ ngơi và khen ít có, đây là mọi người cùng chẳng phải riêng khen.

Bốn là độ lượng của Pháp sư. Chỉ có chợ đổi tùy yêu sách mà thù đáp không luận cao thấp từng không giảm giá, giả sử có tính thẳng đến

rồi trở lại cũng không nhận lại. Người bấy giờ cho là nhả nhận siêu quần.

Năm là lòng nhân ái của Pháp sư, trọng nghĩa khinh tài, tuân theo hạnh Bồ Tát, có người đến xin đều không trái lời, ngày thì ba và là sở nguyện bình thường. Lại thường ở tháng thanh đông, khách Tăng Đạo An đội tuyết đi xa chân đùi đều nứt, ở trong thôn mấy ngày lở loét chảy mủ, người trong thôn lấy xe chở đến chùa, Pháp sư mới mua được một cái áo choàng mới, vừa mới đắp lên thân, ra cửa chợt thấy bất giác dùng áo choàng đập máu mủ kia, người ở bên ngăn rằng: “Nên tìm vật cũ chớ dơ đồ mới” Pháp sư nói: “Giúp nhau đang cực khổ nào rảnh để tìm vật khác”. Người bấy giờ thấy nghe đều rất khen ngợi, tuy là việc chẳng quá lớn mà có thể cố cũng xa.

Sáu là sự gấn bó của Pháp sư. Đọc tám bộ Bát Nhã đều trăm biến, chuyển tất cả kinh cho xong đầu như cuối. Tu nghiệp côi tịnh ngày đêm siêng năng, lo dọn đất Phật và tăng ít sanh biếng nhác, phần lớn bôi chân sợ tổn chúng sanh, vẫn tưởng nêu tâm từng không trễ lời, lau quét đài hương, hoa sen côi An Dưỡng nở ra chín phẩm, trang nghiêm thất để kinh như trời mưa bốn hoa ở Linh Thứu, người ngó thấy thấy đều khen ngợi công đức, thân quên mỗi một lấy cuối đời làm kỳ hạn. Lại chuyển đọc các kinh, niệm Phật A Di Đà, bốn oai nghi không thiếu, tác bóng chẳng luống, tính hạt đậu nhỏ có thể đầy hai năm, đầu mỗi rộng giúp vốn chẳng phải một phẩm.

Bảy trì mạng của Pháp sư: Trước khi pháp sư mất khoảng một năm, có văn chương sách sử. . . nhóm hết chớ làm bùn giấy cho đại chúng, chùa làm hai thân kim cương cho để đủ dùng kia, mọi người đến can rằng: “Tôn giả hẩn cầu giấy, xin đem giấy trắng đến đổi”, sử nói: “Mê đắm văn đây lâu ngày lầm ta, há ở ngày nay mà lầm người khác ư? Thí như nay uống độc chẩm, chỉ qua đường núi là chưa có thể chẩm bỏ chánh nghiệp tập làm công một bên, thánh khai thượng phẩm, đắm mê thành lỗi lớn, mình đã không muốn chớ đem cho người”. Môn đồ khen hay mà nuôi. Kia nói văn và chữ viết may nhờ ban cho bèn dũ lòng dặn rằng: “Ông được mở sử kinh, văn tự biết cạn, nên có thể khâm phục tình hơn sách chớ đắm trước luy này”. Khi sắp lâm chung bảo mọi người rằng: “Ta vái ba ngày sẽ đi, nhưng ở ngày cuối ôm chổi quét mà đi. Bao nhiêu hài cốt của ta hãy bỏ nơi đầm rộng.”

Sáng sớm hôm sau cúi nhìn khe trong, tiêu điều dưới bạch dương, ngập ngừng bên trúc xanh, rồi riêng ngồi cầm chổi mà mất, thiền sư Huệ Lực gần sáng đến báo, mà lạ thay không phát ra tiếng được bèn

nắm tay dẫn đến chỉ thấy hơi nóng xông lên đầu, tay chân đều lạnh bèn khóc òa, bốn bên xa gần đều nhóm. Bấy giờ pháp lữ đều buồn khóc, máu lệ chảy như nước sông rười khắp đất, kẻ tục kêu gào giống như xô núi ngọc, nát châu sáng, thương cây đạo sớm tiêu, than nghe pháp sách chìm, chôn ngãi ở vườn tây, thọ sáu mươi ba tuổi. Sau khi Pháp sư mất, kiểm đồ tư cụ chỉ có ba y và hai đôi giày cũ cùng ngoạ cụ tùy nghi mà thôi. Ngày Pháp sư mất tịnh năm mười hai, đại tượng đã mất không nơi nương tựa bèn bỏ sách ngoài tình khâm sâu nội điển, năm mười bốn được thắm nhuần bạn xuất tục, năm mười tám muốn đến trời tây, năm ba mươi bảy mới toại nguyện. Tịnh đến mộ lễ bái từ tạ, bấy giờ sương rừng vây bạc một nửa, cỏ đêm điền doanh thân đạo tuy mất mà kính như còn sống xoay vòng trông ngóng, thuật tâm muốn đi xa, nhờ phước lợi nơi u linh, báo đức dày của Tử Nhan. Thiền sư thì chuyên ý nơi luật nghi lắng lòng nơi bến định ngày đêm sáu thời mà không mỏi, sáng tối dẫn bốn bọn mà quên một, có thể gọi là xử loạn chẳng ồn náo mà càng tịnh, đạo tục đều chẳng cong thân.

Tụng kinh Pháp Hoa hơn sáu mươi năm mỗi ngày một vòng tính ra hơn hai muôn biến đầu trái qua tùy quý ván trôi theo mạng sóng đổi nhưng khế tâm đây từng không bỏ, hiện được sáu căn thanh thiện, bốn đại kinh hoà. Trong năm sáu mươi tuổi rõ không bệnh gì khác, thường cúi khe tụng kinh, lại có chim linh dừng đậu góc nhà chuyển đọc, thì cảm gà kêu thì nghe, duyên lành tình thể hội âm luật, rất tinh thảo lệ, xướng đạo không cùng, tay không để tâm nơi sách ngoài mà thiên túng như vậy. Làm tụng luật độ và văn phát nguyện đều chép ở đài Đăng nơi chùa Thổ Quật. Bèn tâm thành trong sạch chép kinh Pháp Hoa. Cục tuyên danh thủ tốt thượng thì kia, ngậm hương nhả khí, tắm rửa trong sạch bỗng ở trên kinh cảm thấy xá lợi, kinh xong bên thếp chữ vàng cùng bạc viên mà hợp màu, đựng bằng hòm báu cùng cuộn ngọc mà ánh sáng giao nhau.

Giá Tân, Thái Sơn vua nghe biết mời vào nội cung cúng dường, hai sư đây liền nối gót tiên Thánh rõ sau Thiền sư. Rõ Thiền sư chính khi hiện sanh hai Tân, nêu tiếng bày năm chúng, chia thân nhận cúng dường. Thân đến cửa người cúng tùy sự dẫn cơ, nguyện sự hợp cơ tình, chỉ vì hoá vượt vật ngoài cho nên dùng thần thông mà mạng chùa. Thần đức khó suy nghĩ, rộng như liệt truyện đã chép. Ban đầu muốn làm chùa, mới vào thì thấy hổ gầm ở sông bắc gần xa lại nghe ngựa rống ở hang nam, mức nước giếng trời mà không giảm trời xanh, bỏ gạo xuống đất bằng tuy dấu thần lâu nổi mà các gió khác chưa dứt mà thân giáo

hai sư và các đại đức trụ trì Minh Đức thiền sư .v .v. . . đều có thể gọi là khéo nhân y luật, giỏi thể hội tâm kinh, đốt cơ, đốt ngón tay từng không phải giáo đây, môn đồ thầy dạy chế không cho làm, đều là thân thừa vốn chẳng phải truyền nói.

Lại nữa, rõ quán thông minh xưa, so lường nghe quy tắc trước. Từ ban đầu ngựa trắng dùng kiệu, voi xanh sau treo yên. Đẳng Lan mở ánh sáng làm mặt trời mặt trăng ở Thần Châu, từng hiển phép tắc làm cầu bến cho trời cúi xuống, an xa thì hổ quỳ ở Nam Giang Hán, thổi gãy gỗ bằng chim ưng dương ở bắc Giang Tề. Pháp đồ nối tiếp bên huệ vẫn trong, kẻ tục xứng khen, cỗ phương bụi chẳng nghĩ, từng chưa nghe sai đốt ngón tay cũng không thấy cho đốt thân, gương sáng trước mắt người trí phải rõ.

Lại Thiền sư thường ở đêm vắng thấy đứa trẻ tết bím tóc cong thẳng đến dẫn dụ, hoặc lời dụ ở lá vàng khiến càng lo nhớ mẹ, hoặc dụ nói chim thú mong báo đức nuôi dưỡng, ông có thể làm việc nối thạnh tam bảo khiến không dứt, chớ buông tâm trăm họ mà đổi bỏ một đời, đã là đồng niên mười tuổi, chỉ lãnh lời kia mà chưa thấm sâu ý chỉ. Thường đến canh năm đến thất tham thỉnh, thiền sư hẳn đem lòng từ ban cho vỗ về vai yếu, thật như mẹ hiền nuôi con đỏ. Hoặc ăn ngon ngọt phần nhiều chuyết vị thấy tặng, chỉ có lấy cầu không trái chỗ thỉnh, Pháp sư bèn ân cần khuyên gắng cha nghiêm. thiền sư thì lòng từ bày như mẹ thương, trọng thiên tánh thật không gì thêm, cho đến đủ tuổi thọ giới cụ túc lại nương lấy thiền sư lam Hoà thượng, đã thọ giới rồi, bỗng ở đêm vắng, mé hành đạo đốt hương, khóc lóc mà hỏi rằng: “Đại Thánh Niết Bàn đã lâu, pháp giáo thay thế giáo hoá, người phần nhiều ưa thọ ít có trì, ông chỉ bèn tâm trọng cấm, chớ phạm thiên ban đầu, có bao nhiêu tội lỗi giả sử có phạm ta sẽ thay ông vào địa ngục chịu cho, còn đốt ngón tay đốt thân là không nên làm”.

Tiến dâng ý chỉ, mong lòng từ bi ban cho thánh giới tùy sức bày chí, dám có thiếu trái, tuy ở tội nhỏ có lòng sợ lớn, ở trong năm niệm kinh cầu sách luật, văn sở khuyên gắng của luật sư hơi bàn chỗ thâm sâu, sao thuật tuyên bày của Luật sư trộm bàn trung chỉ. Đã biết trì phạm sư bèn giảng một lần, mới nghe đại kinh, khát thực một bữa, ngồi nhiều không nằm, tuy chùa núi xa thôn cùng chưa từng có bỏ, thường nhớ lời dạy từ bi của Đại sư, bất giác rơi lệ không ngừng, mới niệm ân cứu khổ của Bồ tát nhảy vào lửa lớn. Trưởng giả buồn nghĩ đến cùng tử, dòm cửa nhỏ hiềm học vốn chẳng phải lắm. Thường thân gần bên chân không cho đi xa, lại ân cần bảo rằng: “Ta từ nay lại có các người

hầu hạ khác cha cấp cho người, chớ bỏ nghe đọc mà thường không trụ ở đây” chính gây tích đồng ngụy hơi chìm tâm nơi đối pháp, gánh hòm sách đến tay kinh mới mở đọc tưởng ở Câu Xá Duy Thức, ngày nay từ kinh lại về thôn cũ, thân thỉnh Đại sư rằng: “Con tuổi đã già, tình mong đạo đi xa tìm xem chỗ chưa nghe mong có lợi ích rộng, chưa dám tự quyết”. Sư bèn để lại lời dạy rằng: “Ông khi làm duyên lớn không thể làm lại, kích nơi nghĩa lý há riêng lòng lưu luyến, ta thác hay còn, nếu thấy ông truyền đăng nên liền có thể làm, chớ việc đoái hoài, quan sát và lễ dấu vết thánh ta thật tùy hỷ, nối thành việc trọng ông còn không ngừng vậy. đã vâng nghe lời từ khó trái thượng mạng”. Bèn đến tháng mười một Hàm Hưởng năm thứ hai nương thuyền Quảng Châu dong buồm ra Nam Hải, đi qua các nước chống gậy đến Tây thiên. Đến ngày mùng tám tháng hai năm Hàm Hưởng thứ tư mới đến nước Chăm Ma Lập Đê, tức cửa biển phía đông Ấn Độ, đến tháng năm theo bạn chinh tây đến Na Lan đà và toà Kim Cang, bèn khắp lễ thánh tích xoay theo thế của Phật. có thể gọi là đại thiện tri thức có thể toàn đủ phạm hạnh, thật giáo của Điều Ngự đây há sai ư? đại sư bèn ứng vật dẫn sanh làm thay mô phạm tự thân khen ngợi để người chí thành, như bè biển gặp sắp hết một ngày liền sanh Tân, Hội hai sư của luật. Dùng tiểu thiện tiểu huệ còn lan rộng tốt đẹp nơi huyền ca, hưởng gì đại trí đại ân mà không truyền, ở văn tán viết rằng:

*Lành thay cha mẹ
Nhiều kiếp giữ nhau
Con thời măng sữa
Đất đến minh sư
Đồng niên còn nhỏ
Dừng ái rút bi
Học mà thời tập
Gậy đút, điều răn
Đức rõ hai diệu So
đức hai nghi Mài
ta lười huệ Dài ta
cỏ pháp Dẫn đất
nuôi nắng
Thân dạy quên mệt
Giữa đêm bỏ ngủ
Ban ngày dừng đói
Thượng đức không đút*

*Xa mà đâu biết
 Lấp sáng đâu non
 Che đức đồng bờ
 Mênh mông biển huệ
 Cành thiên tươi tốt
 Nhành rong sán lạn
 Màu định rực rỡ
 Mài mà không nát
 Niết mà không đen
 Ngồi đời nêu khác
 Gà nghe bóng kỳ
 Tuổi ở năm kém
 Một giữ một bỏ
 Chỗ có phước nghiệp
 Điều dùng huân giúp
 Báo ân chết xa
 Đáp đức sống lia*

Nguyện ở tại tào hội mà chúc mừng, đời đời vâng lời dạy để thành cõi áo. Nhóm nghĩa lợi ở đồng khâu, uỷ tịnh định cũng như ao.

Mong hội đầu Long Hoa nghe huyền y của Từ Thị, khắp bốn đời mà vận tướng, đủ ba đại trường kỳ.

Sợ người nghe cho là hư dối, tạm sơ chỗ chế của Pháp sư. Đại sư từng như ngày mười lăm tháng hai, kể tục người pháp đều đến chỗ thánh tích Lăng Công ở núi Nam để xem kho trời kỳ lạ, lễ khám linh miếu linh dị kỳ, không xa ngàn dặm thanh khởi cúng dường. Bấy giờ Tề Vương hạ văn học đều tụ tập ở đây, đều ôm bút biển và đàn văn núi, đều tranh ? dùi, đều giành hòm ngọc, muốn vịnh miếu tượng Lăng Công cùng suy Pháp sư làm trước, sư bèn không nhường đương như, sông ao trước đây giúp bút chép vách từng không nghĩ một chút, mùa bút thành bài rồi không thêm điểm thơ rằng:

Thượng Thánh trước tươi tốt, anh hiến bày biển cả, hang trống tự đậu dừng, nhọc mạng luống đợi nhau, muôn xưa núi sông đồng trống, ngàn năm người thay đổi, chơn thức rõ vô sanh, luống thấy Đan Thanh còn. Các văn sĩ đã thấy chế tác của Pháp sư đều hổ thẹn trong lòng, gác bút nhánh cây tùng, hoặc ném nghiên ở đầu núi. Đều nói rằng: Tây Thi bày mặt, Mô Mẫu mày nào, tài tử như rừng, không một di hoà. Bao nhiêu văn chương khác đủ như riêng nhóm.

Nghĩa Tịnh kính bạch các Đại Đức Đại Chu, hoặc từng nghe thọ

chiếu trống, hoặc hỏi bàn nghĩa pháp, hoặc biết nhau nhược quan, hoặc thông biết lúc trung niên hoặc khi đã lớn Hoà Thượng nhỏ ngàn muôn, chỗ bày bốn mươi điều, luận việc yếu lược. Phàm chỗ đây chép đều là hiện làm của thầy trò phương tây, chép ở lời Thánh chẳng phải là ý riêng. Phàm mạng... thế sông sớm không mưu chiều e khó bày mặt đến nổi đây trước trình ra lúc có rảnh thì tìm mong chiếu ý xa, đây nương Tát Bà đa, chẳng phải bộ khác.

Lại nói rằng: Kính bày lĩnh thì rộng nơi đạo lớn, hoặc nương thánh giáo, há nói rằng tình cầu sợ khó yết kiến, nương đây trước thù đáp, mong nguyện gõ càn xe không bỏ, người quê mùa thấy trâu, theo dấu trăm đời gieo đẹp ngàn thu, thật mong tiếng Linh Thứu ở thất nhỏ và Vương Xá nơi Thần Châu.

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN (HẾT QUYỂN 4)

